

DANH SÁCH THI HỌC PHẦN: THỐNG KÊ Y HỌC

ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ NỘI TRÚ 2021

Ngày thi: 13 giờ 30 ngày 04/06/2022

Địa điểm: Giảng đường 5C

STT	Mã SV	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	127211073	211073	Phạm Long	Bình	23/01/1996	Đồng Tháp	Ngoại khoa			
2	127211074	211074	Trần Nhật	Hạ	17/5/1996	Khánh Hòa	Ngoại khoa			
3	127211075	211075	Võ Phú	Hậu	02/6/1996	Quảng Ngãi	Ngoại khoa			
4	127211078	211078	Bùi Thị	Huyền	06/7/1996	Đắk Lắk	Ngoại khoa			
5	127211083	211083	Dương Minh	Nhật	16/3/1995	Kiên Giang	Ngoại khoa			
6	127211084	211084	Nguyễn Hải	Sơn	04/01/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa			
7	127211085	211085	Đinh Thuận	Thiên	06/01/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa			
8	127211089	211089	Phan Tiến Bảo	Anh	25/5/1996	Bình Thuận	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
9	127211090	211090	Đinh Văn Thái	Bảo	19/10/1996	Quảng Nam	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
10	127211101	211101	Phạm Thế	Kiên	07/9/1996	Phú Yên	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
11	127211105	211105	Phạm Quốc Quan	Sang	15/9/1996	Đồng Nai	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
12	127211106	211106	Lê Văn Thanh	Sơn	17/9/1996	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
13	127211107	211107	Lý Thiên	Tài	14/7/1996	Đồng Nai	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
14	127211109	211109	Lê Nhật	Thành	14/02/1996	Kiên Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
15	127211111	211111	Trương Đình Đức	Anh	03/01/1996	Đồng Nai	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)			
16	127211112	211112	Phan Quốc	Cường	05/01/1996	Bình Định	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)			
17	127211114	211114	Đỗ Đăng	Khoa	30/10/1996	TpHCM	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)			
18	127211118	211118	Trần Huy	Hoàng	19/02/1995	Nam Định	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)			
19	127211119	211119	Trần Văn	Hùng	19/7/1996	Đà Nẵng	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)			
20	127211120	211120	Huỳnh Minh	Mẫn	28/6/1996	Đồng Nai	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)			
21	127211121	211121	Trần Thị	Phượng	27/5/1996	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)			
22	127211122	211122	Đinh Nguyễn Hoài	Thanh	31/8/1996	Tây Ninh	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)			
23	127211124	211124	Huỳnh Phú	An	26/01/1996	Đồng Tháp	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
24	127211127	211127	Bùi Hoàng Tuấn	Dũng	24/12/1996	Gia Lai	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
25	127211128	211128	Nguyễn Doãn Hoàng	Giang	01/01/1996	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
26	127211131	211131	Nguyễn Quốc	Hùng	31/12/1996	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
27	127211134	211134	Hồ Minh	Triết	29/5/1996	Bến Tre	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
28	127211136	211136	Nguyễn Quốc	Bảo	18/5/1996	Quảng Nam	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)			

STT	Mã SV	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
29	127211139	211139	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa	26/3/1996	Bến Tre	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)			
30	127211143	211143	Nguyễn Tú	Tài	27/10/1996	Quảng Ngãi	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)			
31	127211146	211146	Nguyễn Lê Thành	Đạt	14/8/1996	Tiền Giang	Nhân khoa			
32	127211147	211147	Nguyễn Tiến	Đạt	21/9/1996	Nam Định	Nhân khoa			
33	127211156	211156	Phạm Quốc	Cường	26/5/1996	TpHCM	Nhi khoa			
34	127211157	211157	Trương Quang	Huy	20/5/1996	Đồng Nai	Nhi khoa			
35	127211158	211158	Trần Quốc	Khánh	02/9/1996	Bình Dương	Nhi khoa			
36	127211162	211162	Nguyễn Thị Mai	Thảo	12/8/1996	Bình Định	Nhi khoa			
37	127211163	211163	Hứa Nguyễn Anh	Thư	16/6/1996	TpHCM	Nhi khoa			
38	127211164	211164	Huỳnh Nguyễn Anh	Thư	29/8/1996	Quảng Ngãi	Nhi khoa			
39	127211165	211165	Nguyễn Ngọc	Tín	15/11/1996	Đắk Lắk	Nhi khoa			
40	127211172	211172	Nguyễn Văn	Hiếu	03/12/1996	Lâm Đồng	Nội khoa			
41	127211173	211173	Lâm Tú	Hương	14/12/1996	Tiền Giang	Nội khoa			
42	127211175	211175	Trần Lê Quốc	Khánh	25/8/1996	TpHCM	Nội khoa			
43	127211176	211176	Bùi Hữu Minh	Khuê	01/6/1996	Thừa Thiên Huế	Nội khoa			
44	127211185	211185	Nguyễn Nhật	Tài	15/9/1996	Đắk Lắk	Nội khoa			
45	127211187	211187	Nguyễn Đình	Thắng	23/10/1996	Gia Lai	Nội khoa			
46	127211190	211190	Phạm Thị Minh	Thuận	13/11/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nội khoa			
47	127211195	211195	Đặng Tường	Vi	27/02/1996	Bình Phước	Nội khoa			
48	127211197	211197	Nguyễn Ngọc	Hà	07/9/1996	Phú Yên	Nội khoa (Da liễu)			
49	127211198	211198	Nguyễn Thị Khánh	Hằng	13/6/1996	Khánh Hòa	Nội khoa (Da liễu)			
50	127211200	211200	Hoàng Trung	Hiếu	26/3/1996	Đắk Lắk	Nội khoa (Da liễu)			
51	127211219	211219	Phan Văn	Hiếu	06/10/1996	Bình Thuận	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			
52	127211220	211220	Lê Quang	Hoàng	20/10/1996	Vĩnh Long	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			
53	127211222	211222	Hoàng Văn	Hữu	18/6/1996	Quảng Trị	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			
54	127211223	211223	Nguyễn Văn	Nhân	02/7/1994	Nam Định	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			
55	127211225	211225	Phan Ngô Quang	Thạch	09/11/1996	TpHCM	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			
56	127211226	211226	Trần Ngọc Xuân	Thy	14/02/1996	Đồng Nai	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			
57	127211227	211227	Bùi Nguyễn Thùy	Trang	18/12/1996	Lâm Đồng	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			
58	127211231	211231	Phạm Hoàng	Hải	27/01/1996	Kiên Giang	Nội khoa (Lão khoa)			
59	127211237	211237	Trần Minh	Huy	04/5/1996	Bến Tre	Nội khoa (Lão khoa)			
60	127211238	211238	Trương Trí	Khoa	04/8/1996	TpHCM	Nội khoa (Lão khoa)			
61	127211242	211242	Phan Thanh Hải	Nam	30/5/1996	TpHCM	Nội khoa (Lão khoa)			
62	127211244	211244	Đặng Ngọc	Son	05/6/1996	Đồng Nai	Nội khoa (Lão khoa)			

STT	Mã SV	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
63	127211250	211250	Trần Tiến	Trung	18/10/1996	Đắk Lắk	Nội khoa (Lão khoa)			
64	127211254	211254	Lương Khôi	Nguyên	12/5/1996	Đắk Lắk	Nội khoa (Nội tiết)			
65	127211256	211256	Phạm Yến	Nhi	04/9/1996	Long An	Nội khoa (Nội tiết)			
66	127211257	211257	Lê Thị Thu	Thảo	04/02/1996	Bình Phước	Nội khoa (Nội tiết)			
67	127211258	211258	Lâm Quốc	Thiên	11/9/1996	Trà Vinh	Nội khoa (Nội tiết)			
68	127211261	211261	Tô Trường	Duy	10/12/1994	Kiên Giang	Nội khoa (Phục hồi chức năng)			
69	127211262	211262	Võ Trần	Huy	20/8/1996	Quảng Ngãi	Nội khoa (Phục hồi chức năng)			
70	127211263	211263	Dương Thị Quế	Lan	18/01/1996	Khánh Hòa	Nội khoa (Phục hồi chức năng)			
71	127211266	211266	Lê Thị Nhật	Phượng	13/4/1996	Quảng Nam	Nội khoa (Phục hồi chức năng)			
72	127211271	211271	Vũ Đức	Nguyên	07/7/1996	Đồng Nai	Nội khoa (Tâm thần)			
73	127211272	211272	Nguyễn Thị Thu	Sương	14/4/1996	Đắk Lắk	Nội khoa (Tâm thần)			
74	127211273	211273	Nguyễn Thành	An	29/4/1996	TpHCM	Nội khoa (Thần kinh)			
75	127211276	211276	Dương Thị	Lên	02/01/1996	Quảng Nam	Nội khoa (Thần kinh)			
76	127211279	211279	Võ Phương	Quỳnh	31/7/1996	Đồng Nai	Nội khoa (Thần kinh)			
77	127211282	211282	Châu Văn	Thoại	01/9/1996	Bình Định	Nội khoa (Thần kinh)			
78	127211283	211283	Phan Quân	Thụy	21/6/1996	Đồng Tháp	Nội khoa (Thần kinh)			

Danh sách có 78 (bảy mươi tám) học viên

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2022

Cán bộ gác thi 1

Giáo vụ

Cán bộ gác thi 2

Ths Huỳnh Ngọc Vân Anh

P. Chủ nhiệm Bộ môn

Cán bộ gác thi 3

PGS. Ts. Thái Thanh Trúc